



DUY THANH USA
PROFILE COMPANY



- www.vatlieuben.com -
Hotline: 093.661.3168

MỤC LỤC

Mục lục 02

Giới thiệu 03

Đối tác chiến lược 04

Sản phẩm Ống Nhựa HDPE 05

Tiêu chuẩn sản phẩm 06

Hướng dẫn nối cống HDPE 07

Thông số kỹ thuật 08

Hệ thống phụ kiện 09

Ống nhựa gân xoắn HDPE 10



GIỚI THIỆU

DUY THÀNH USA Là công ty được sáng lập bởi đội ngũ Kỹ sư nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và sản xuất. Hoạt động của công ty tập trung chủ yếu vào 4 lĩnh vực:

1- HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ:

Duy Thành USA lựa chọn các nhà máy sản xuất có năng lực, kinh nghiệm vượt trội, chi phí sản xuất tối ưu, đội ngũ sản xuất đoàn kết, Duy Thành USA tiến hành hợp tác hoặc đầu tư về chiều sâu cho sản phẩm, đồng thời ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm.

2- HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU:

Đội ngũ kỹ sư của Duy Thành USA tiến hành nghiên cứu và thử nghiệm thường xuyên các sản phẩm mới, tính thực dụng của các Sản phẩm khi áp dụng trong các môi trường địa chất tại các vùng miền, các chất liệu đất, để cho kết quả áp dụng tại mỗi Dự án mà Duy Thành USA cung ứng hàng hóa.

3- HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH:

Tại mỗi Dự Án, đội ngũ kỹ sư Duy Thành USA tiến hành thẩm định địa chất, khả năng chịu lực, cao độ, hóa chất, các yếu tố ảnh hưởng chất lượng công trình trong tương lai. Trên cơ sở đó đưa ra khuyến cáo sản phẩm phù hợp và biện pháp thi công phù hợp nhất đảm bảo chất lượng công trình về sau.

4- HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI:

Với việc bao tiêu và kiểm soát chất lượng sản phẩm Duy Thành USA có được chính sách giá tối ưu và sản phẩm đảm bảo phù hợp với các công trình của Dự Án.



Đối tác chiến lược



Dự án: Cát Tường Phú Hưng

Vị trí: QL 14, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, Bình Phước

Loại hình: Đất nền, nhà phố

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Địa Ốc Cát Tường



KHU CÔNG NGHIỆP YÊN MỸ - HUNG YÊN

Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Viglacera Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên" có quy mô diện tích đất sử dụng 280ha, với tổng vốn đầu tư: 2.348 tỷ đồng trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 352 tỷ chiếm tỷ lệ 15% tổng vốn đầu tư.



NOVAWORLD PHAN THIẾT

– **Vị trí dự án:** Mặt tiền đường Lạc Long Quân, Xã Tiến Thành, Thành Phố Phan Thiết, Bình Thuận, Việt Nam.

– **Chủ đầu tư:** Tập đoàn Novaland

– **Tổng diện tích:** 1.000 ha

– **Tên chính thức:** NovaWorld Phan Thiết Integrate Resort

– **Loại hình đầu tư:** Khu đô thị phức hợp Nghỉ Dưỡng – Du Lịch – Giải Trí kết hợp nhà ở với hơn 10.000 sản phẩm. Dự án được phân chia ra nhiều khu, mỗi 1 khu sẽ có một phong cách thiết kế kiến trúc riêng tương xứng với 1 chủ đề chính độc đáo được lấy ý tưởng từ các nền văn hóa kiến trúc đặc sắc trên thế giới.



KHU CÔNG NGHIỆP TRẦN ANH - TÂN PHÚ

Tên dự án: Khu công nghiệp Thương mại Dịch vụ Trần Anh Tân Phú

Vị trí: Mặt tiền đường TL, Xã Tân Phú, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

Chủ đầu tư: Công Ty Cổ Phần Đầu tư DNN – Tân Phú thuộc Trần Anh Group: 262 Ha



KHU CÔNG NGHIỆP THỦ THỪA, LONG AN

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp và Đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC (IDTT)

Địa chỉ: Khu phố 11, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Việt Nam

Tổng diện tích: 188,88 ha

Tổng vốn đầu tư: 1.268 tỷ đồng



TRANG TRẠI BÒ SỮA VINAMILK QUẢNG NGÃI

Chủ đầu tư: Tập Đoàn Vinamilk Việt Nam là mô hình chăn nuôi bò sữa tập trung được ứng dụng công nghệ cao (nhập khẩu toàn bộ máy móc thiết bị, công nghệ và các thiết bị nông nghiệp để phục vụ cho dự án)... với tổng vốn đầu tư 700 tỷ đồng, quy mô 100 ha



FLC Quy Nhơn Beach & Golf Resort

Chủ đầu tư: Tập Đoàn FLC

Địa chỉ: Xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

Diện tích: 1.300ha

Tổng mức đầu tư: 7.000 tỷ đồng

Tổng diện tích: 92.7 ha

Tổng vốn đầu tư: 95 triệu USD

Ngày khởi công: Năm 2018

Năm hoàn thành: Đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng

SẢN PHẨM ỐNG NHỰA HDPE

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG:

- Hệ thống thoát nước thải & thu gom xử lý nước thải của các khu công nghiệp, nhà máy.
- Hệ thống thoát nước vỉa hè, nước mưa.
- Hệ thống ống dẫn nước thoát xa lộ, các trục lộ giao thông
- Hệ thống kênh mương, tưới tiêu công nghiệp, sân golf và đồng ruộng.
- Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu đô thị, khu dân cư, bệnh viện.
- Hệ thống thoát nước phục vụ nuôi trồng thủy hải sản.
- Hệ thống cấp và dẫn nước sinh hoạt.

ĐẶC TÍNH VÀ CẤU TẠO:

Ống nhựa gân xoắn HDPE được sản xuất theo dây chuyền công nghệ Hàn Quốc, có nhiều đặc điểm ưu việt thay thế ống bê tông như: độ bền cơ học cao, chịu được các dung dịch axit, kiềm, dễ uốn nên được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực đặc biệt là hệ thống thoát nước. Xếp dỡ, vận chuyển và thi công dễ dàng nên tính kinh tế cao.

Sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu nhựa HDPE (nghĩa là hợp chất nhựa Polyethylene có tỷ trọng cao). Thiết kế gân thành có các tác dụng sau: Mặt ngoài có gân làm tăng độ chịu lực lên thành ống, mặt trong của ống trơn láng, hệ số ma sát thấp, không gây cản trở dòng chảy. Mặt khác đặc tính nhựa HDPE chịu được nơi đất mềm, đất cát.

Độ kháng hóa tốt, không bị rò rỉ, không bị ăn mòn, thích hợp với môi trường dẫn hóa chất đặc biệt là môi trường có độ kiềm cao. Tuổi thọ của ống cao, có thể lên tới trên 50 năm nếu lắp đặt và sử dụng đúng kỹ thuật.

GIẢM CHI PHÍ THI CÔNG, SỬA CHỮA VÀ BẢO DƯỠNG:

Ống nhựa gân xoắn HDPE có trọng lượng nhẹ nên chi phí vận chuyển, lắp đặt thấp, tiết kiệm thời gian, giảm chi phí nhân công và máy móc. Thao tác lắp đặt đơn giản, gọn gàng và dễ thực hiện. Tùy theo yêu cầu của khách hàng công ty sẽ điều chỉnh độ dài của ống từ 1-10m do đó giảm được số lượng mối nối, tiết kiệm chi phí thi công.

ĐỘ KÍN NƯỚC:

Các mối nối được liên kết với nhau bằng đai nhựa HDPE đối với ống thoát nước và các phương pháp như: hàn đối đầu, mối nối điện trở, khớp nối PP thích hợp với yêu cầu thiết kế của Quý khách hàng, đảm bảo tính kín nước, không rò rỉ không thấm thấu.

TABLE OF TECHNICAL REQUIREMENT FOR DOUBLE WALL PIPES - USER FOR SEWERAGE



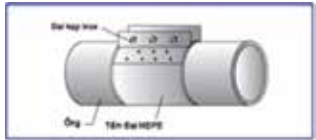
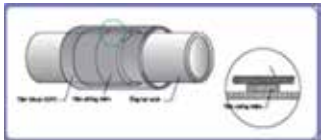
- Sản xuất dựa theo tiêu chuẩn KPS M2009 Chiều dài ống từ 1m- 10 m
- Made according to Basic Standard number: KPS M 2009
- Pipe length 1m – 10m



*** TIÊU CHUẨN HÀN QUỐC KPS M 2009**
KOREA STANDAR KPS M 2009

Quy cách (Dimesion)	Đường kính trong Inside diameter (mm)	Đường kính ngoài Outside diameter (mm)	Bề dày thành ống Thickness (mm)	Độ cứng vòng Outside Compressed pressure(kg/Cm2)
200	200 ± 2.0%	236 ± 2.0%	18.0 ± 1.0	7,5
250	250 ± 2.0%	290 ± 2.0%	20.0 ± 1.0	6,5
300	300 ± 2%	340 ± 2.0%	20.0 ± 1.3	4,5
350	350 ± 2.0%	394 ± 2.0%	22.0 ± 1.3	4,5
400	400 ± 2.0%	450 ± 2.0%	25.0 ± 1.5	3,5
450	450 ± 2.0%	500 ± 2.0%	25.0 ± 1.5	3,1
500	500 ± 1.5%	562 ± 1.5%	31.0 ± 2.0	3,0
600	600 ± 1.5%	664 ± 1.5%	32.0 ± 2.0	2,6
700	700 ± 1.5%	778 ± 1.5%	39.0 ± 2.5	2,6
800	800 ± 1.5%	900 ± 1.5%	50.0 ± 2.5	2,6
900	900 ± 1.0%	1.000 ± 1.0%	50.0 ± 4.0	2,4
1000	1.000 ± 1.0%	1.120 ± 1.0%	60.0 ± 4.5	2,4
1200	1.200 ± 1.0%	1.340 ± 1.0%	70.0 ± 4.5	2,2
1500	1.500 ± 1.0%	1.640 ± 1.0%	70.0 ± 4.0	1,4
1800	1.800 ± 1.0%	1.960 ± 1.0%	80.0 ± 4.0	1,4

HƯỚNG DẪN NỐI CỐNG HDPE 2 VÁCH BẰNG ĐAI NHỰA HDPE
JONED BY THE WELDING PIECE OF SELF - CONTROL



Bước 1: Sắp xếp ổn định 2 đầu ống cần nối khít nhau theo phương nằm ngang cùng một phẳng.

Step 1: Arrange the needing ends stabling and closely with each orther according to horizontal direction of the same plane.



Bước 2: Dùng giẻ khô lau sạch các vật bẩn ở 2 đầu cống cần nối, sau đó quấn tấm keo giữa 2 đầu nối

Step 2: Used the dried coth cleaning through the dirty traces in both needing drain heads ends. Soon after, It's to wrap up the glue piece between both joined heads.



Bước 3: Quấn tấm xốp bảo vệ lớp keo

Step 3: Wrap up softly protecting the glue layer.



Bước 4: Dùng tấm nhựa quấn quanh mối nối, xiết chặt các con tán nhằm giữ chặt mối nối 2 đầu ống.

Step 4: Used the glue belt piece to wrap up around the joined points, tightening the bolts closely in order to keep the joints closly in both ends.

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT ỐNG GÂN XOẮN
HDPE 1 VÁCH - THOÁT NƯỚC

TABLE OF TECHNICAL REQUIREMENT FOR SINGLE
WALL PIPES - USER FOR SEWERAGE



***TIÊU CHUẨN VIỆT NAM 11821-2:2017**
TCVN 11821-2:2017 STANDARD

Quy cách (Dimesion)	Đường kính trong Inside diameter (mm)	Đường kính ngoài Outside diameter (mm)	Bề dày thành ống Thickness (mm)	Độ cứng vòng Outside Compressed pressure(kg/Cm2)
150	150 ± 2.0%	180 ± 2.0%	15.0 ± 1.0	9,5
200	200 ± 2.0%	230 ± 2.0%	15.0 ± 1.0	6,5
250	250 ± 2.0%	282 ± 2.0%	16.0 ± 1.0	4,5
300	300 ± 2.0%	336 ± 2.0%	18.0 ± 1.3	2,2
350	350 ± 2.0%	386 ± 2.0%	18.0 ± 1.3	2,2
400	400 ± 2.0%	444 ± 2.0%	22.0 ± 1.5	2,2
450	450 ± 2.0%	494 ± 2.0%	22.0 ± 1.5	2,2
500	500 ± 1.5%	556 ± 1.5%	28.0 ± 2.0	2,2
600	600 ± 1.5%	660 ± 1.5%	30.0 ± 2.0	1,8
700	700 ± 1.5%	768 ± 1.5%	34.0 ± 2.5	1,7
800	800 ± 1.5%	880 ± 1.5%	40.0 ± 2.5	1,5
900	900 ± 1.0%	988 ± 1.0%	44.0 ± 4.0	1,5
1000	1.000 ± 1.0%	1.100 ± 1.0%	50.0 ± 4.0	1,4
1200	1.200 ± 1.0%	1.320 ± 1.0%	60.0 ± 4.0	1,4
1500	1.500 ± 1.0%	1.620 ± 1.0%	60.0 ± 4.0	0,8
1800	1.800 ± 1.0%	1.940 ± 1.0%	70.0 ± 4.0	1,2
2000	2.000 ± 1.0%	2.160 ± 1.0%	80.0 ± 4.0	1,0

Quy cách (Dimesion)	Đường kính trong Inside diameter (mm)	Đường kính ngoài Outside diameter (mm)	Bề dày thành ống Thickness (mm)	Độ cứng vòng Outside Compressed pressure(kg/Cm2)
150	150 ± 2.0%	178 ± 2.0%	10.0 ± 1.0	6
200	200 ± 2.0%	222 ± 2.0%	11.0 ± 1.0	3
250	250 ± 2.0%	272 ± 2.0%	11.0 ± 1.0	1,2
300	300 ± 2.0%	332 ± 2.0%	16.0 ± 1.3	1
350	350 ± 2.0%	380 ± 2.0%	15.0 ± 1.0	0,9
400	400 ± 2.0%	440 ± 2.0%	20.0 ± 1.5	1
450	450 ± 2.0%	488 ± 2.0%	19.0 ± 1.0	0,9
500	500 ± 1.5%	550 ± 1.5%	25.0 ± 2.0	0,8
600	600 ± 1.5%	650 ± 1.5%	25.0 ± 2.0	1
700	700 ± 1.5%	762 ± 1.5%	31.0 ± 2.0	0,8
800	800 ± 1.5%	870 ± 1.5%	35.0 ± 2.5	1
900	900 ± 1.0%	978 ± 1.0%	39.0 ± 2.5	0,8
1000	1.000 ± 1.0%	1.092 ± 1.0%	46.0 ± 4.0	0,8
1200	1.200 ± 1.0%	1.300 ± 1.0%	50.0 ± 4.0	0,8

Ghi chú: * Chiều dài tiêu chuẩn ống gân xoắn HDPE là 6m, có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng từ 1- 10m.

* Sai số cho phép đối với bề dày không quá ± 8%.

* Sai số cho phép đường kính trong đối với ống 150 - 600: ± 5.1mm, 700 - 2.000: ±6.4mm.

* Sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 11821-3:2017 Chiều dài ống từ 1m – 10m

* Made accoding to Basic Standard number: TCVN 11821-3:2017
Pipe length 1m – 10m



THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM
PRODUCT'S TECHNICAL PARAMETER:

Quy cách (Dimesion)	Đường kính trong Inside diameter (mm)	Đường kính ngoài Outside diameter (mm)	Bề dày thành ống Thickness (mm)	Độ cứng vòng Outside Compressed pressure(kg/Cm2)
150	150 ± 2.0%	174 ± 2.0%	12.0 ± 1.3	3,70
200	200 ± 2.0%	228 ± 2.0%	14.0 ± 1.3	2,00
250	250 ± 2.0%	288 ± 2.0%	19.0 ± 1.3	2,00
300	300 ± 2.0%	340 ± 2.0%	20.0 ± 1.3	2,00
400	400 ± 2.0%	460 ± 2.0%	30.0 ± 1.5	1,90
500	500 ± 1.5%	564 ± 1.5%	32.0 ± 2.0	1,75
600	600 ± 1.5%	670 ± 1.5%	35.0 ± 2.0	1,00

HƯỚNG DẪN NỐI ỐNG NHỰA GÂN XOẮN HDPE 1 VÁCH BẰNG
KHÚC NỐI (MĂNG SONG)

JOIN METHOD OF SINGLE WALL PIPES

Hình 1: Ống 1 Vách và mặt cắt



Bước 1
Step1



Bước 2
Step 2



Bước 3
Step 3

Bước 1: Vặn trước măng song vào 1 đầu ống vào 6 răng.
Bước 2: Giữ chặt đầu có măng song và vặn đầu còn lại.
Bước 3: Hoàn thành.

Step 1: It's to turn the coupling first then a pipe head about 6 teeth
Step 2: It's to keep closely the head having the coupling for turning the remained piped head.
Step 3: Finish.

HỆ THỐNG PHỤ KIỆN
SYSTEM OF FITTINGS FOR DOUBLE WALL PIPES



Nối góc 90
Elbow 90



Khớp nối góc 45
Elbow 45



Tê cân 90
Equal tee 90



Rẽ nhánh dấu cộng
Tee plus



Rẽ nhánh 45
Tee 45



Tê thu 90
Reducing tee 90



Măng sông nối ống
Coupler (Type A)



Măng sông nối ống
Coupler (Type B)



Hố ga thu nước HDPE
HDPE Drain Manhole

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu cụ thể, phụ kiện có thể thay đổi tùy theo công trình lắp đặt.

Note: depend on the demand , the spare part can be change.



ỐNG NHỰA GÂN XOẮN HDPE 2 LỚP THÀNH ĐÔI



KHÁI QUÁT SẢN PHẨM:

- » **Vật liệu:** Ống và Phụ tùng ống gân HDPE 2 lớp- được sản xuất bằng nguyên liệu HDPE.
- » **Kích cỡ:** Từ Ø160mm đến Ø600mm.
- » **Tiêu chuẩn:** ISO 9001:2015
- » **Màu sắc:** 2 lớp (Ngoài màu đen, trong màu xanh dương).

LĨNH VỰC ÁP DỤNG:

- *Hệ thống thoát nước khu dân cư đô thị.
- *Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp.
- *Hệ thống cống dọc, cống vượt trên các trục lộ giao thông.
- *Hệ thống kênh mương, tưới tiêu công nghiệp, sân golf và đồng ruộng.
- *Hệ thống bao bọc bảo vệ dây điện, cáp điện ngầm bừa chính viễn thông.
- *Hệ thống cấp và thoát nước phục vụ nuôi trồng thủy sản

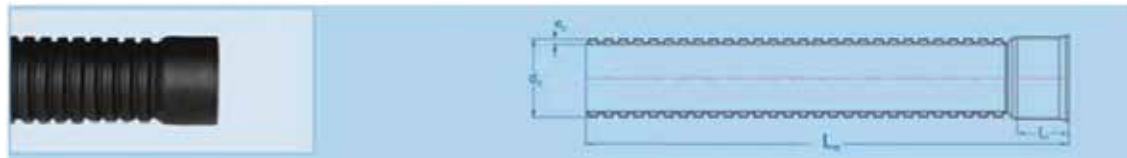
ĐẶC TÍNH VƯỢT TRỘI:

- ⊗ Ống gân HDPE 2 lớp có nhiều ưu điểm thuận lợi về: Bền tính kinh tế cao, không bị ăn mòn.
- ⊗ Mật độ cao, phía trong rộng trơn phẳng ít ma sát, chế độ dòng chảy tốt, giữa vách trong và ngoài có cấu tạo lỗ rỗng do ép đùn nên chịu được ngoại áp và cường độ va đập cao.
- ⊗ Độ kháng hoá chất tốt, không rỉ sét, phân hủy có tuổi thọ cao trên 50 năm rất phù hợp với môi trường acid, kiềm, nước thải, nước hữu cơ (cho nhà máy xử lý rác), nước mặn. Phù hợp với mọi vùng miền.

TÍNH NĂNG ƯU VIỆT:

- Giảm chi phí thi công, ít tổn chi phí cho việc sửa chữa và bảo dưỡng đường ống:
- Do ống có trọng lượng nhẹ nên dễ dàng cho việc vận chuyển thi công và sửa chữa, từ đó rút ngắn được thời gian thi công, tiết kiệm được thời gian.
- Lắp đặt được mọi địa hình do các phụ kiện kết nối đơn giản, thao tác nhanh chóng, gọn gàng.
- Có thể điều chỉnh chiều dài ống nhằm giảm cái mối nối giảm được lượng bị vỡ, giảm chi phí nhân công, do đó giảm giá thành thi công. Độ kín nước: Các ống được kết nối bằng các phương pháp hiện đại. Không rò rỉ và nước thấm thấu từ bên ngoài. Xếp, dỡ, vận chuyển, bảo quản:
- Do ống nhẹ, nên có thể vận chuyển dễ dàng theo các đường rãnh mà không cần các thiết bị nâng nào hỗ trợ.

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT ỐNG GÂN XOẮN HDPE 2 LỚP THOÁT NƯỚC



THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM:

STT	DANH NGHĨA	ĐƯỜNG KÍNH TRONG (mm)	ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI (mm)	ĐỘ CỨNG VÒNG (KN/m)	CHIỀU DÀI (m)
SN4					
1	Ø160	156 ± 3%	180 ± 3%	4.0	6.0
2	Ø200	196 ± 3%	220 ± 3%	4.0	6.0
3	Ø300	292 ± 3%	337 ± 3%	4.0	6.0
4	Ø400	391 ± 3%	456 ± 3%	4.0	6.0
5	Ø500	488 ± 3%	565 ± 3%	4.0	6.0
6	Ø600	588 ± 3%	675 ± 3%	4.0	6.0

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT
1	Khớp nối 160	cái
2	Khớp nối 200	cái
3	Khớp nối 300	cái
4	Khớp nối 400	cái
5	Khớp nối 500	cái
6	Khớp nối 600	cái

Lưu ý:

Ống nhựa gân xoắn HDPE 2 lớp được sản xuất theo tiêu chuẩn châu Âu Độ cứng vòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Chiều dài tiêu chuẩn 6m/ống.





HỆ THỐNG PHỤ KIỆN SYSTEM OF FITTINGS FOR DOUBLE- LAYER TWISTED PIPES

PHỤ KIỆN ỐNG GÂN HDPE 2 LỚP:



Nối | Plainsocket



Chữ T | Tee



Co 90° | 90° Elbowt



Co 45° | 45° Elbo



Gioăng cao su | Rubber seal



PHƯƠNG PHÁP NỐI ỐNG: Ống HDPE 2 lớp có đầu nong gồm một đầu lớn và một đầu nhỏ, kết nối với nhau một cách dễ dàng:

ỐNG TRƠN HDPE CẤP NƯỚC



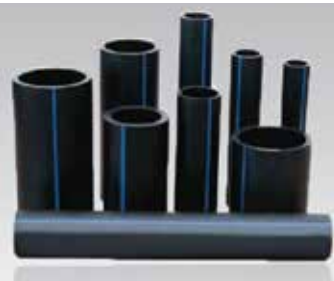
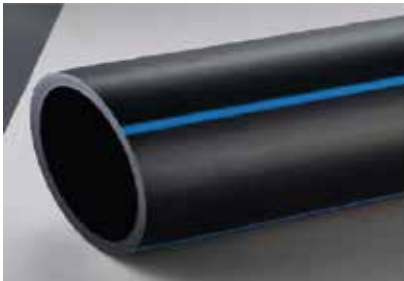
THÔNG SỐ CƠ BẢN:

- *Vật liệu: HDPE
- *Các áp lực: 6 bar, 8 bar, 10 bar, 12 bar, 16 bar, 20 bar
- *Kích thước: D20 mm – D1200 mm
- *Màu sắc: Đen có một vạch xanh chạy dọc thân ống
- *Quy cách: tiêu chuẩn 6m. Tùy vào yêu cầu khách hàng chiều dài ống có thể thay đổi từ 1- 10m

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG:

- *Hệ thống ống thoát nước thải, thoát nước mưa
- *Hệ thống ống dẫn nước cho tưới tiêu, trồng trọt trong nông nghiệp
- *Hệ thống ống dẫn trong công nghiệp
- *Hệ thống dẫn nước cho các dự án đô thị
- *Hệ thống ống dẫn nước và phân phối nước uống

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT ỐNG HDPE TRƠN



THÔNG SỐ KỸ THUẬT ỐNG NHỰA HDPE TRƠN CẤP NƯỚC

ỐNG NHỰA HDPE CẤP NƯỚC ĐƯỜNG KÍNH NHỎ (DƯỚI DN150 mm):

DANH NGHĨA	ĐỘ DÀY (mm)	ÁP SUẤT DN (PN)
Ø 20	1.4	10.0 Bar
	1.6	12.5 Bar
	2.0	16.0 Bar
	2.3	20 Bar
	3.0	25 Bar
Ø 25	1.4	8 Bar
	1.6	10 Bar
	2.0	12.5 Bar
	2.3	16.0 Bar
	3.0	20 Bar
Ø 32	1.4	6.0 Bar
	1.6	8.0 Bar
	2.0	10.0 Bar
	2.4	12.5 Bar
	3.0	16.0 Bar
Ø 40	1.6	6.0 Bar
	2.0	8.0 Bar
	2.4	10.0 Bar
	3.0	12.5 Bar
	3.7	16.0 Bar
Ø 50	2.0	6.0 Bar
	2.4	8.0 Bar
	3.0	10.0 Bar
	3.7	12.5 Bar
	4.6	16.0 Bar
Ø 63	2.5	6.0 Bar
	3.0	8.0 Bar
	3.8	10.0 Bar
	4.7	12.5 Bar
	5.8	16.0 Bar
Ø 75	2.9	6.0 Bar
	3.6	8.0 Bar
	4.5	10.0 Bar
	5.6	12.5 Bar
	6.8	16.0 Bar

Ø 90	3.5	6.0 Bar
	4.3	8.0 Bar
	5.4	10.0 Bar
	6.7	12.5 Bar
	8.2	16.0 Bar
Ø 110	10.1	20.0 Bar
	4.2	6.0 Bar
	5.3	8.0 Bar
	6.6	10.0 Bar
	8.1	12.5 Bar
Ø 125	10.0	16.0 Bar
	12.3	20.0 Bar
	4.8	6.0 Bar
	6.0	8.0 Bar
	7.4	10.0 Bar
Ø 140	9.2	12.5 Bar
	11.4	16.0 Bar
	14.0	20.0 Bar
	5.4	6.0 Bar
	6.7	8.0 Bar
Ø 160	8.3	10.0 Bar
	10.3	12.5 Bar
	12.7	16.0 Bar
	15.7	20.0 Bar

*Lưu ý:

- Ống được đấu nối bằng phương pháp:
- Hàn đối đầu, mối nối điện trở
- Khớp nối PP
- Khớp nối cơ khí (thích ứng với thiết kế của Quý khách)
- Ống có chiều dài 6m hoặc 9m



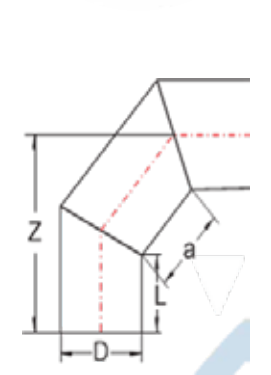
***ỐNG NHỰA HDPE TRƠN CẤP NƯỚC ĐƯỜNG KÍNH LỚN (D160 mm – D1200 mm):**

DANH NGHĨA	ĐỘ DÀY (mm)	ÁP SUẤT DN (PN)
Ø 160	6.2	6.0 Bar
	7.7	8.0 Bar
	9.5	10.0 Bar
	11.8	12.5 Bar
	14.6	16.0 Bar
Ø 180	6.9	6.0 Bar
	8.6	8.0 Bar
	10.7	10.0 Bar
	13.3	12.5 Bar
Ø 200	7.7	6.0 Bar
	9.6	8.0 Bar
	11.9	10.0 Bar
	14.7	12.5 Bar
Ø 225	8.6	6.0 Bar
	10.8	8.0 Bar
	13.4	10.0 Bar
	16.6	12.5 Bar
Ø 250	9.6	6.0 Bar
	11.9	8.0 Bar
	14.8	10.0 Bar
	18.4	12.5 Bar
Ø 280	10.7	6.0 Bar
	13.4	8.0 Bar
	16.6	10.0 Bar
	20.6	12.5 Bar
Ø 315	12.1	6.0 Bar
	15.0	8.0 Bar
	18.7	10.0 Bar
	23.2	12.5 Bar
Ø 355	13.6	6.0 Bar
	16.9	8.0 Bar
	21.1	10.0 Bar
	26.1	12.5 Bar

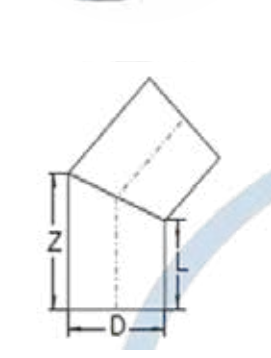
Ø 400	15.3	6.0 Bar
	19.1	8.0 Bar
	23.7	10.0 Bar
	29.4	12.5 Bar
Ø 450	17.2	6.0 Bar
	21.5	8.0 Bar
	26.7	10.0 Bar
	33.11	12.5 Bar
Ø 500	19.1	6.0 Bar
	23.9	8.0 Bar
	29.7	10.0 Bar
	36.8	12.5 Bar
Ø 560	21.4	6.0 Bar
	26.7	8.0 Bar
	33.2	10.0 Bar
	41.2	12.5 Bar
Ø 630	24.1	6.0 Bar
	30.0	8.0 Bar
	37.4	10.0 Bar
	46.3	12.5 Bar
Ø 710	27.2	6.0 Bar
	33.9	8.0 Bar
	42.1	10.0 Bar
	52.2	12.5 Bar
Ø 800	30.6	6.0 Bar
	38.1	8.0 Bar
	47.4	10.0 Bar
	58.8	12.5 Bar
Ø 900	34.4	6.0 Bar
	42.9	8.0 Bar
	53.3	10.0 Bar
	66.2	12.5 Bar
Ø 1000	38.2	6.0 Bar
	47.4	8.0 Bar
	59.3	10.0 Bar
	72.5	12.5 Bar
Ø 1200	45.9	6.0 Bar
	57.2	8.0 Bar
	67.9	10.0 Bar
	88.2	12.5 Bar

HỆ THỐNG PHỤ KIỆN

CO 90°



LỢI 45°



ĐƯỜNG KÍNH	KÍCH THƯỚC			
	D (mm)	L (mm)	Z (mm)	A (mm)
Ø90	90	150	301	80
Ø110	110	150	311	80
Ø125	125	150	318	80
Ø140	140	150	326	100
Ø160	160	150	336	100
Ø180	180	200	396	100
Ø200	200	200	406	120
Ø225	225	200	416	120
Ø250	250	200	428	120
Ø280	280	200	446	120
Ø315	315	300	599	140
Ø355	355	325	625	140
Ø400	400	350	650	160
Ø450	450	350	650	160
Ø500	500	400	690	180
Ø560	560	400	690	180
Ø630	630	450	725	200

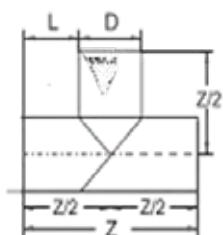
ĐƯỜNG KÍNH	KÍCH THƯỚC		
	D (mm)	L (mm)	Z (mm)
Ø90	90	150	169
Ø110	110	150	173
Ø125	125	150	176
Ø140	140	150	179
Ø160	160	150	183
Ø180	180	200	237
Ø200	200	200	242
Ø225	225	200	247
Ø250	250	200	252
Ø280	280	200	258
Ø315	315	300	265
Ø355	355	325	400
Ø400	400	350	450
Ø450	450	350	450
Ø500	500	400	525
Ø560	560	400	525
Ø630	630	450	600

***Lưu ý:**

- Ống được đấu nối bằng phương pháp: Hàn đối đầu, mối nối điện trở, Khớp nối PP, Khớp nối cơ khí thích ứng với thiết kế của Quý khách.
- Ống có chiều dài 6m hoặc 9m.

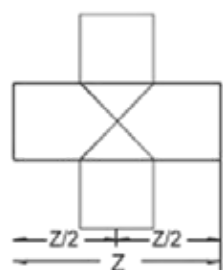


CO CHỮ T



ĐƯỜNG KÍNH	KÍCH THƯỚC		
	D (mm)	L (mm)	Z (mm)
Ø90	90	150	390
Ø110	110	150	410
Ø125	125	150	425
Ø140	140	150	440
Ø160	160	150	460
Ø180	180	200	580
Ø200	200	200	600
Ø225	225	200	625
Ø250	250	200	650
Ø280	280	200	680
Ø315	315	300	710
Ø355	355	325	1005
Ø400	400	350	1100
Ø450	450	350	1150
Ø500	500	400	1300
Ø560	560	400	1360
Ø630	630	450	1530

TỨ THÔNG



ĐƯỜNG KÍNH	KÍCH THƯỚC		
	D (mm)	L (mm)	Z (mm)
Ø90	90	150	390
Ø110	110	150	410
Ø125	125	150	425
Ø140	140	150	440
Ø160	160	150	460
Ø180	180	200	580
Ø200	200	200	600
Ø225	225	200	625
Ø250	250	200	650
Ø280	280	200	680
Ø315	315	300	710
Ø355	355	325	1005
Ø400	400	350	1100
Ø450	450	350	1150
Ø500	500	400	1300
Ø560	560	400	1360
Ø630	630	450	1530

TẤM XI MĂNG CEMBOARD



TẤM XI MĂNG GREENBOARD



THÔNG SỐ KỸ THUẬT - TẤM XI MĂNG COMBOARD VÀ GREENBOARD

STT	QUY CÁCH(mm)	ĐƠN VỊ TÍNH	TRỌNG LƯỢNG(kg)	LỰC CHỊU TẢI(kg/m²)	PHẠM VI SỬ DỤNG
1	1220 X 603 X 3.5	Tấm	4	-	Trần - trang trí
2	2440 X 1220 X 3.5	Tấm	16	-	
3	2440 X 1220 X 4.0	Tấm	17	-	
4	2440 X 1220 X 4.5	Tấm	18	-	Vách ngăn
5	2440 X 1220 X 5.0	Tấm	20	22	
6	2440 X 1220 X 6.0	Tấm	24	30	
7	2440 X 1220 X 8.0	Tấm	33	49	
8	2440 X 1220 X 9.0	Tấm	38	56	
9	2440 X 1220 X 12	Tấm	45	125	
10	2440 X 1220 X 14	Tấm	60	590	Lót sàn, sàn giả đúc
11	2440 X 1220 X 15	Tấm	65	680	
12	2440 X 1220 X 16	Tấm	75	750	
13	2440 x 1220 x 18	Tấm	85	850	
14	2440 x 1220 x 20	Tấm	95	1000	
15	2000 x 1000 x 12	Tấm	30	125	
16	2000 x 1000 x 14	Tấm	40	590	
17	2000 x 1000 x 15	Tấm	45	680	
18	2000 x 1000 x 16	Tấm	50	750	
19	2000 x 1000 x 18	Tấm	60	850	
20	2000 x 1000 x 20	Tấm	80	1000	



PHƯƠNG PHÁP HÀN NỐI ỐNG TRƠN HDPE CẤP NƯỚC VÀ ỐNG CAM

Phương pháp lắp đặt HDPE bằng hàn nhiệt đối đầu:

1. Chuẩn bị

Bước này, chúng ta sẽ chuẩn bị những công cụ cần thiết.

2. Làm sạch và kẹp chặt

- Kẹp ống xuống khuôn hàn, làm sạch các bộ phận mối nối, cắt các cạnh mối nối và sau đó điều chỉnh các bộ phận mối nối để mức độ sai lệch ít hơn 10% của chiều thành vách ống.

3. Hàn

Đặt vào panel hàn.

4. Nối

Dỡ bỏ tấm sưởi sau khi hoàn thành việc làm nóng, nối nhanh hai bộ phận làm nóng, tăng áp suất đến áp suất mối nối đối đầu và giữ cho đến khi hạ nhiệt.

5. Hoàn thiện

Quá trình hàn và nối ống hoàn tất.



* Những lưu ý khi hàn ống HDPE:

1. Khi cắt ống phải cắt thẳng, vuông góc với tâm ống, bề mặt ống trước khi gia nhiệt phải được làm phẳng, làm sạch tránh hiện tượng mối hàn không kín ảnh hưởng tới chất lượng đường ống
2. Khi nối ống, phải đặt ống thẳng tâm, cạnh hàn không quá sắc nhọn nếu không sẽ tạo ra ứng suất gây và làm giảm độ bền của mối hàn.
3. Bề mặt gia nhiệt quá khô do phần gia nhiệt bị nguội nhanh trước khi hàn có thể làm cho mối hàn dễ gãy ở mặt tiếp xúc. Phần nóng chảy ở phía ngoài tốt nhưng bên trong không được điền đầy dễ dẫn tới hiện tượng gãy ống làm giảm chất lượng đường ống.
4. Đối với các loại đường ống lớn, khi hàn ống ta nên dùng các khối chặn bê tông để cố định ống trước khi hàn.

ỐNG HDPE PHẪNG MÀU CAM DÙNG CHO TUYẾN CÁP NGẦM



LĨNH VỰC ỨNG DỤNG:

* Dùng trong hệ thống cáp ngầm, bảo vệ dây điện và cáp viễn thông sản xuất theo TCVN 7997- 2009; JIS C 3653:1994; KS C 8455:2005.

*Vật liệu: HDPE

*Kích thước: D25/32 mm – D250/320mm

*Màu sắc: Cam

THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

STT	CHUNG LOẠI	ĐƯỜNG KÍNH TRONG (mm)	ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI (mm)	CHIỀU DÀI CUỘN ỐNG(m)
1	TL ø 25/32	25±2.0	32±2.0	400
2	TL ø 30/40	30±2.0	40±2.0	300
3	TL ø 40/50	40±2.0	50±2.2	300
4	TL ø 50/65	50±2.2	65±2.5	200
5	TL ø 65/85	65±2.5	85±2.5	100
6	TL ø 70/90	70±2.5	90±2.5	100
7	TL ø 80/105	80±3.0	105±3.0	100
8	TL ø 90/110	90±3.0	110±3.0	100
9	TL ø 100/130	100±4.0	130±4.0	100
10	TL ø 125/160	125±4.0	160±4.0	50
11	TL ø 150/195	150±4.0	195±4.0	50
12	TL ø 160/210	160±4.0	210±4.0	50
13	TL ø 175/230	175±4.0	230±4.0	40
14	TL ø 200/260	200±4.0	260±4.0	30
15	TL ø 250/320	250±5.0	320±5.0	30



PHƯƠNG PHÁP THI CÔNG



Bước 1/ Step 1

Vặn hết cỡ măng sống vào đầu ống cần nối theo chiều kim đồng hồ, sau đó dùng cưa cắt nắp đáy của măng sống đó.

Fasten completely a joint sleeve on the end of the pipe to be connected by turning it clockwise. Then cut off the lid with a saw.



Bước 2/ Step 2

Đánh dấu trên ống cần nối còn lại sao cho khoảng cách từ đầu ống tới điểm đánh dấu bằng một nửa chiều dài măng sống.

Make a marking on the end section of the other pipe, the distance between the marking and the pipe end being equal to half of the joint sleeve length.



Bước 3/ Step 3

Đặt thẳng hàng các đầu ống, đầu của ống thứ hai sát với măng sống. Xoay măng sống ngược chiều kim đồng hồ cho tới điểm đánh dấu.

Align the pipe ends, the end of the second pipe in contact with the joint sleeve. Turn the joint sleeve counter clockwise until it reaches the marking.



Bước 4/ Step 4

Dùng băng cao su non (Sealing tape - mã hiệu S) quấn chặt khe tiếp giáp giữa măng sống và hai ống được nối.

Wrap up tightly the gaps between the joint sleeve and the pipes, using sealing tape. (Designation: S).



Bước 5/ Step 5

Dùng băng cao su lưu hóa (Vuivco tape - mã hiệu V) quấn bao quanh ngoài phần cao su non.

Make a wrapping over the sealing wraps, using vul-co tape. (Designation: V).



Bước 6/ Step 6

Cuối cùng, dùng băng keo PVC chịu nước (PVC tape - mã hiệu P) Quấn tiếp một lần nữa ra ngoài cùng.

Finally, make another wrapping outside, using PVC water-resistant tape. (Designation: P).





ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC



1. CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN CÁT TƯỜNG

Dự án: Cát Tường Phú Hưng Tổng diện tích: 92,7ha

Vị trí: Quốc lộ 14, xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước Tổng vốn đầu tư: 95 triệu USD

Loại hình: Đất nền, nhà phố Ngày khởi công: Năm 2018

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Địa ốc Cát Tường Năm hoàn thành: Đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng, pháp lý



2. TẬP ĐOÀN VIGRACERA KHU CÔNG NGHIỆP YÊN MỸ - HƯNG YÊN

Dự án: "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Viglacera Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên" có quy mô diện tích đất sử dụng 280ha, với tổng vốn đầu tư: 2.348 tỷ đồng, trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 352 tỷ, chiếm tỷ lệ 15% tổng vốn đầu tư.



5. TẬP ĐOÀN IDICO

Khu công nghiệp Thủ Thừa, Long An

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp và Đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC (IDTT)

Đại chỉ: Khu phố 11, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Việt Nam

Tổng diện tích: 188,88 ha



6. TẬP ĐOÀN VINAMILK

Trang trại bò sữa Vinamilk Quảng Ngãi

Chủ đầu tư: Tập Đoàn Vinamilk Việt Nam là mô hình chăn nuôi bò sữa tập trung được ứng dụng công nghệ cao (nhập khẩu toàn bộ máy móc thiết bị, công nghệ và các thiết bị nông nghiệp để phục vụ cho dự án),...với tổng vốn đầu tư 700 tỷ đồng, quy mô 100 ha



7. FLC Quy Nhơn Beach & Golf Resort

Chủ đầu tư: Tập Đoàn FLC

Đại chỉ: Xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

Diện tích: 1.300ha

Tổng mức đầu tư: 7.000 tỷ đồng- Giải Trí kết hợp nhà ở với hơn 10.000 sản phẩm. Dự án được phân chia ra nhiều khu, mỗi 1 khu sẽ có một phong cách thiết kế kiến trúc



4. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRẦN ANH

Khu công nghiệp Trần Anh Tân Phú

Tên dự án: Khu công nghiệp Thương mại Dịch vụ Trần Anh Tân Phú

Vị trí: Mặt tiền đường TL, Xã Tân Phú, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

Chủ đầu tư: Công Ty Cổ Phần Đầu tư DNN – Tân Phú thuộc Trần Anh Group: 262 Ha



3. TẬP ĐOÀN NOVALAND - NOVAVORD PHAN THIET

Vị trí dự án: Mặt tiền đường Lạc Long Quân, Xã Tiến Thành, Thành Phố Phan Thiết, Bình Thuận, Việt Nam.

Chủ đầu tư: Tập đoàn Novaland

Tổng diện tích: 1.000 ha

Tên chính thức: NovaWorld Phan Thiết Integrate Resort

Loại hình đầu tư: Khu đô thị phức hợp Nghỉ Dưỡng – Du Lịch